

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đông Phong và bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Nhận- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Quách Phúc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Quách Phúc T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 06/3/2018. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị N. Chị N đã khuyên can, cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị N và anh T đã sống ly thân từ đầu tháng 6 năm 2021 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Phúc T.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Quách Quỳnh C, sinh ngày 09/10/2018. Chị N đề nghị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Chi đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Quách Phúc T trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Bùi Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 06/3/2018. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T say rượu, chửi bới, đánh đập chị N. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Quách Quỳnh C, sinh ngày 09/10/2018. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T; đề nghị giao cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Quách Phúc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Quách Phúc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống,

vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T rượu chè, chửi bới, đánh đập chị N. Kết quả xác minh ngày 22/6/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy quá trình chung sống anh T và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị N và anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Quách Quỳnh C, sinh ngày 09/10/2018. Chị N đề nghị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C, do đó giao cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Quách Phúc T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Quách Quỳnh C, sinh ngày 09/10/2018 là con chung của chị N và anh T. Giao cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh T.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009364 ngày

11/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị N còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

tòa

Dương Đông Phong Nguyễn Thị Hương
Hương

Trịnh Thanh

